SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT HUỲNH VĂN NGHỆ

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo												Hạng chức danh nghề nghiệp								Chuẩn nghề nghiệp												Bồi dưỡng hằng năm					
			Năm học 2024-2025						Đối sánh số liệu năm học liền kề						Năm học 2024-2025				Đối sánh số liệu				Năm học 2024-2025								Đối sánh số liệu								Năm học 2024-2025				Đối sánh số liệu			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Hoàn thành		Không hoàn thành		Hoàn thành		Không hoàn thành	
																							Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ								
I	**Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**																																							
	Giáo viên																																							
	Trong đó số giáo viên dạy môn:																																							
	Toán	11		1	10					1	10					1	10			1	10		8	72.73	3	27.27					11	100.00	0	0.00					11	100			11	100		
2	Vật lí	7		1	6					1	6					1	6			1	6		1	14.29	6	85.71					1	14.29	6	85.71					7	100			7	100		
3	Hoá học	7		2	5					2	5						7				7		4	57.14	3	42.86					4	57.14	3	42.86					7	100			7	100		
4	Tin học	3		2	1					1	2						3				3		2	66.67	1	33.33					3	100.00	0	0.00					3	100			3	100		
5	Sinh học	4		2	2					2	2						4				4		2	50.00	2	50.00					3	75.00	1	25.00					4	100			4	100		
6	Công nghệ Công nghiệp	1		1						1							1				1			0.00		0.00					1	100.00	0	0.00					1	100			1	100		
7	Công nghệ nông nghiệp	1			1						1						1				1		1	100.00		0.00					1	100.00	0	0.00					1	100			1	100		
8	Ngữ văn	10		4	6					4	6						10				10		5	50.00	5	50.00					5	50.00	5	50.00					10	100			10	100		
9	Lịch sử	4			4						4						4				4		1	25.00	3	75.00					2	50.00	2	50.00					4	100			4	100		
10	Địa lí	3		1	2					1	2						3				3		1	33.33	2	66.67					2	66.67	1	33.33					3	100			3	100		
11	Giáo dục kinh tế Pháp luật	2			2						2						2				2		1	50.00	1	50.00					1	50.00	1	50.00					2	100			2	100		
12	Tiếng Anh	7			7						7						7				7		3	42.86	4	57.14					3	42.86	4	57.14					7	100			7	100		
13	Giáo dục thể chất	5			5						5						5				5		2	40.00	3	60.00					3	60.00	2	40.00					5	100			5	100		
14	Giáo dục quốc phòng-an ninh	2			2						2						2				2		1	50.00	1	50.00					2	100.00	0	0.00					2	100			2	100		
II	**Cán bộ quản lý**																																							
1	Hiệu trưởng	1			1						1						1				1		1	100							1	100							1	100			1	100		
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	2						2			1	2		2	100							3	100							3	100			3	100		
III	**Nhân viên**																																							
1	Nhân viên văn thư	1			1						1																													
2	Nhân viên kế toán	1				1						1																												
3	Thủ quỹ	0																																						
4	Nhân viên y tế	1					1																																	
5	Nhân viên thư viện	1			1						1																													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0																																						
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người Khuyết tật	0																																						
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1						1																													